

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 19/12/2023

Về việc “*Yêu cầu chia
tài sản chung sau ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các thẩm phán: Bà Lưu Thu Thu Hương và ông Vũ Văn Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02/11/2023 về việc “*Yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn*”. Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 08/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐ-PT ngày 23/11/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐ-PT ngày 08/12/ 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1968 - Địa chỉ: Xóm 3, Ninh Thanh 1, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1954 - Địa chỉ: Buôn M, xã C, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Có mặt.
3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Bà Hoàng Thị L và bị đơn ông Nguyễn Đức D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Hoàng Thị L trình bày:**

Bà L và ông D lấy nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Cư Né, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn được một thời gian cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vì khi về chung sống được 1 năm, ông D có cà phê thu hoạch, ông D cũng mang đi hết, không có một đồng mang về góp ăn uống chi, tiêu mua sắm, còn đi tìm người bên ngoài và chung sống với họ. Do đó, xảy ra gây sự, cãi vã, vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn, bất đồng, cuộc sống không hạnh phúc, hôn nhân không đạt được. Vì vậy vào ngày 13 tháng 01 năm 2021, bà L nộp đơn ly hôn, đến ngày 23 tháng 3 năm 2021, bà L được Tòa án nhân dân huyện Krông Búk giải quyết cho ly hôn với ông D.

Trong thời gian chung sống, bà L và ông D không có con chung với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi bà L về chung sống ông D đã có nhà, vườn tại xã Cư Né. Ông D đã viết giấy Cam kết ủy quyền và giấy xác nhận là nhà và vườn rẫy là của chung 2 vợ chồng đều sử dụng chung không ai tranh chấp và ông D cùng bà L tiến hành làm các thủ tục pháp lý, ông nói: Vợ chồng cùng nhau chăm sóc và thu nhập sử dụng nên ông nói bà cứ Liên đưa tiền về đầu tư phân bón vào nương rẫy trả nợ đầu tư năm cũ, mua sắm, thậm chí đưa tiền cho ông D đi chạy công việc kiện vụ đất đai cho nhà ông Ánh bạn ông D. Tiền bà L trả nợ đầu tư hai vụ cà phê ở rẫy của nhà và công bà L đi hái, chở cà phê đi bán, ông D cầm hết không trả hay đưa hỗ trợ cho bà L đồng nào. Từ khi cãi vã nhau ông D cũng không trả số tiền bà L đi vay nợ giùm ông trước hôn nhân; còn khóa cổng cửa nhà không cho bà L về giải quyết chờ ly hôn chia tài sản, không đưa tiền thu cà phê vụ 2021 để hỗ trợ bà L trả tiền vay nợ ngân hàng như ông đã hứa. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải chia, trả cho bà L số tiền ông D đã lấy cũng như bà L đã chi tiêu cho bên ông D như sau:

Trả công bà L về hái chở cà phê, làm cỏ, đi tưới, làm bồn là 20.000.000 đồng.

Tiền thu hoạch cà phê, thu hoạch bơ 2 vụ 2019 và 2020 là 50.000.000 đồng : 2 mỗi người 25.000.000 đồng.

Xây dựng chi tiêu: Mua gạch về xây, ốp tường 2 bên trước cửa nhà, coi nền sân xi-măng phần sân trước nhà ông D; Trả nợ vật liệu cũ, ông D lấy đi làm ăn, tiêu xài, cụ thể:

- Tháng 9/2019, ông D mua gạch 4 lổ về để trước sân nhà ông, tháng 12 mua vật liệu về xây, ốp tường, coi nền sân trước nhà, bà L đưa cho ông D 4-5 lần, tổng hết 16.000.000 đồng.

- Ngày 16/9, ông D gọi điện về Krông Búk nói bà L vay cho 1.000.000 đồng nói đi thăm anh rể xạ trị. Tổng cả phí chuyển tiền 1.020.000 đồng.

- Ngày 25/9/2019, ông D nói đi Đồng Nai làm bìa đất cho bạn lấy đi 2.500.000 đồng.

- Tháng 9/2019 nói bà L đưa 4.500.000 đồng để mua máy nóng lạnh chạy năng lượng chỗ cháu ruột, song mãi bà L thấy không lắp, bà L hỏi thì ông nói là: Nó không lắp thì anh đi trả nợ hồi trước anh nợ rồi.

- Tháng 10/2019 ông lấy tiền đi khám bệnh ở bệnh viện Hòa Bình (Buôn Hồ) 1.000.000 đồng.

- Tháng 10/2019 lắp và trả tiền mạng 990.000 đồng.

- Mua đầu thu thông minh lắp vào tivi cũ của ông D 1.700.000 đồng.
 - Ông D nói lắp kính cường lực điện thoại di động (2 cái) 600.000 đồng.
 - Ông nói làm cơm mời họ hàng 2 người về ở với nhau; Bà L đề nghị phải lên nhà mẹ của bà L nói chuyện và mời vài người bên bà L tới (2 người đi chi phí, lễ hết 1.000.000 đồng).
 - Ông D đặt cỗ nói không có trả, chở bà L đi trả dịch vụ 1.500.000 đồng.
 - Tháng 11/2019 trả tiền lắp nóng lạnh và mua keo, ống chổ ông Thuận cháu ông D 5.500.000 đồng.
 - Tháng 12/2019 ông nói đưa tiền để ông đi trả thêm tiền gạch ở Km 72 số tiền 2.100.000 đồng.
 - Ông trả tiền khung tranh ở Buôn hồ 300.000 đồng.
 - Ông lấy bảo đi đám cưới con bà cô ở Gia Lai 1.000.000 đồng.
 - Bà L đi mua kệ inox về lắp trong nhà tắm 160.000 đồng.
 - Ông nói đưa ông trả nợ lãi cho cụu chiêm bình buôn Mùi 1.400.000 đồng.
 - 28 Tết mua đồ tạp hóa, gạo nếp, đồ Tết, ở nhà cô Hiền Mạnh, và trả nợ cũ cho ông D hết 1.750.000 đồng.
 - Mua máy rửa xe 3.000.000 đồng.
 - Hai người đồ xăng, đi chợ Buôn Hồ mua hoa trái 620.000 đồng.
 - Sáng 28 Tết ông nói đi chợ 72 hay 82 lấy 1.000.000 đồng.
 - Ông nói chi lì xì tết 500.000 đồng.
 - Về chủ nhật đưa ông 250.000 đồng.
 - Tháng 2/2019 ông D và bà L đi nhà ông Thiện lễ hết 300.000 đồng.
 - Nhờ ông về quê ngoại đưa dư 1.600.000 đồng.
 - Ngày 25-27/2 bà L đi khám bệnh ông D lên theo; ăn, ngủ, đi Nha Trang 250.000 đồng.
 - Chiều 25/2/2020 đi Nha Trang về rút đưa ông D, nói là về làm hồ sơ xe chính chủ 2.200.000 đồng.
 - Ngày 5/3/2020 ông D đi làm vụ đất cho bạn 2.000.000 đồng.
 - Ngày 31/5 đưa ông D 350.000 đồng.
 - Liên đi chợ + trả chị Gấm (chị Gái họ ông D) 500.000 đồng.
 - Ngày 13/7/2020 khi ra về Krông Búk đưa ông D 450.000 đồng.
 - Tháng 6 và 8 chi cưới cháu ngoại ông D 1.500.000 đồng.
 - Tháng 9/2020 đưa 2 đợt 600.000 đồng.
 - Ngày 4/11 ông D nói đưa ông vào bảo tồn Ea sô nhờ Y Luyện làm bìa đất cho Ma Mai 1.000.000 đồng.
 - Ngày 10/10/2020 đưa 500.000 đồng.
- Khoản tiền đầu tư vào nương rẫy:
- Tháng 9/2019: 01 bao phân bón tưới sầu riêng 700.000 đồng.
 - Từ ngày 04 đến ngày 05 (Tết âm lịch) 2020 đưa ông D đi mua phân về để mừng 6 tuổi cà phê: 1.700.000 đồng.
 - Ngày 3/2/2020 đưa ông D đi sửa máy tưới + hàn phốt hết 325.000 đồng.
 - Trả tiền vét giếng cho ông Bình (3 đợt), ông D cầm trả: 5.500.000 đồng.
 - Chi mua dầu tưới lần 2-3: 600.000 đồng.

- Trả tiền xe chở phân dê ở Eakar về 1.000.000 đồng.
- Chi mua dầu, nhớt tưới lần 4 là 500.000 đồng.
- Tháng 8 ông D mua bộ phân hóa học cho cà phê là 3.500.000 đồng.
- Mua 2 bao phân gà viên 440.000 đồng.
- Tiền lo ăn tiêu, hỗ trợ trả tiền điện ga, xăng xe, card điện thoại hằng ngày 500.000 đồng/tháng x 12 tháng = 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Tổng số tiền bà L đã chi tiêu và trả nợ cho ông D trong thời kỳ hôn nhân là 124.905.000 đồng.

Về công nợ: Tháng 7/2019 và tháng 7/2020, bà L thế chấp lương vay tiền của Viettinbank – EaKar - Đắk Lắk (ông D có biết) từ trước và trong hôn nhân 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng) về chi tiêu như trên, bà L đã tự trả và không yêu cầu ông D phải chịu chung khoản nợ này.

Tại phiên tòa bà L yêu cầu ông D phải trả cho bà L tổng số tiền 124.905.000 đồng chi phí sinh hoạt và trả nợ riêng của ông D như đã trình bày ở trên. Nếu ông D không đồng ý trả số tiền như bà L yêu cầu, thì bà L yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông D phải trả lại tiền cho bà theo quy định pháp luật và phải chịu ½ khoản nợ Ngân hàng với số tiền 42.500.000 đồng vì đây là số tiền bà vay Ngân hàng về để chi tiêu chung và trả nợ riêng của ông D trong thời kỳ hôn nhân của bà với ông D.

Đối với yêu cầu chia ½ tài sản chung là nhà, đất, rẫy ông D đã cam kết là tài sản chung của vợ chồng với tổng giá trị tài sản là 548.620.000 đồng (*theo biên bản định giá tài sản ngày 08/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản*), tại phiên tòa bà L rút yêu cầu Tòa án giải quyết chia ½ giá trị tài sản này.

*** Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn Dũng trình bày:**

Ông D không đồng ý với các yêu cầu của Bà Hoàng Thị L, bởi vì:

Về nhà, rẫy và những cây trồng trên rẫy. Nhà cửa ông D xây dựng từ năm 2005 và ở từ đó đến nay.

Cây trồng trên rẫy ông D đã trồng và canh tác từ khi mua đất năm 2000 đến nay. Ông D quen bà L vào cuối tháng 10 năm 2019 khi đó đã vào mùa khô, mùa bơ đã qua chỉ chờ thu hoạch vào tháng 11 năm 2019. Do đó không phải đầu tư chăm sóc nên không có chuyện bà L được chia những thứ nhận được trên rẫy, không có khoản tiền nào của bà L đầu tư vào nhà và rẫy. Sau khi kết hôn, ông D và bà L chung sống với nhau có 4 tháng, bà L còn đi dạy học chỉ về nhà thứ 7 hoặc chủ nhật hàng tuần, có tuần không về, không lao động. Do vậy, bà L không làm gì trên rẫy của ông D và cũng không bỏ bất cứ số tiền nào đầu tư vào rẫy.

Tiền Bà Hoàng Thị L vay ngân hàng Vietinbank, ông D hoàn toàn không biết. Sau này, ông D mới biết bà L nói vay trừ lương 80.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng lấy bìa ra để nhận chia tài sản với chồng cũ của bà L và tách bìa sau khi chia tài sản và số tiền vay ngân hàng muốn rút ra phải tới ngân hàng làm thủ tục hoặc chuyển sang tài khoản khác mới rút ra được. Bởi vậy, bà L có nhờ ông D rút hai lần chuyển tiền qua thẻ ATM của ông D, cả hai cùng đi rút ngay. Sau khi rút xong, ông D trao lại cho Hoàng Thị L trả ngân hàng để lấy bìa chia tài sản với chồng cũ của bà

L sau ly hôn.

Đối với tài sản mà bà L cho là tài sản chung gồm: 01 thửa đất diện tích khoảng 280m² (chiều ngang 8m x chiều dài 35m), tọa lạc tại Buôn Mũi 3, xã Cư Né, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, trên đất có 01 căn nhà cấp 4, diện tích 55m² và 01 thửa đất rẫy diện tích khoảng 8.000m², tọa lạc tại xã (Cư Né, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, trên đất có 600 cây cà phê đang thu hoạch, 70 cây sầu riêng năm thứ 2, 80 cây bơ đang thu, 20 cây nhãn. Cả hai tài sản mà bà L yêu cầu chia đôi này là tài sản riêng của ông D hình thành trước thời kì hôn nhân.

Đối với khoản tiền mà bà L cho là bà L đã đầu tư, tiền thu hoạch cà phê, bơ năm 2019, năm 2020 và tiền công sức tạo lập của bà L trên hai thửa đất trên. Cụ thể: 50.000.000 đồng : 2 = 25.000.000 đồng và tiền công sức tạo lập của bà L trên 02 thửa đất rẫy: 20.000.000 đồng, ông D không đồng ý. Bởi vì, khi ông và bà L về chung sống cùng nhau thì bơ đã hết mùa, còn cà phê thì không phải chăm sóc nữa chỉ chờ thu hái.

Đối với yêu cầu của bà L là chia đôi khoản nợ vay tại ngân hàng VietinBank với số tiền 85.000.000 đồng, mỗi người có trách nhiệm trả nợ 42.500.000 đồng thì ông D không đồng ý bởi vì ông D không ký vào hợp đồng vay. Bà L vay tiền như thế nào với Ngân hàng thì ông D hoàn toàn không biết.

Do đó, ông D không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Liên, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 08/2023/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 33 và Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn Bà Hoàng Thị L.

Buộc ông Nguyễn Đức D phải hoàn trả cho bà L tổng số tiền 19.740.000 đồng là tiền công sức đóng góp của bà L trong thời kỳ hôn nhân.

Không chấp nhận yêu cầu của bà L đối với số tiền còn lại là 105.165.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà L buộc ông D phải có trách nhiệm trả 42.500.000 đồng tiền nợ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch Ea Kar.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2023, nguyên đơn Bà Hoàng Thị L làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm phân chia lại cho bà toàn bộ số tiền bà L mang về và chuyển khoản cho ông D, với số tiền 105.165.000 đồng và 42.500.000 đồng tiền ông phải trả cùng bà cho ngân hàng. Ngày 31/8/2023 bị đơn ông Nguyễn Đức D làm đơn kháng cáo một phần bản án, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông D hoàn trả cho bà L là 19.740.000 đồng tiền công sức đóng góp của bà L trong thời kỳ hôn nhân. Ông chỉ chấp nhận hoàn trả cho bà L số tiền 2.100.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình và đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

- Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn Bà Hoàng Thị L và bị đơn ông Nguyễn Đức D:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của Bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Đức D gửi trong hạn luật định, đảm bảo về mặt hình thức, bà L đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, ông D được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên kháng cáo của bà L và ông D là hợp lệ.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, cùng với lời trình bày của các bên đương sự nhận thấy yêu cầu kháng cáo của cả nguyên đơn và bị đơn đều không có căn cứ. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của Bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Đức D, giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2023/HNGĐ-ST, ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Đức D trong hạn luật định, bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, ông D được miễn nộp tiền

tạm túng án phí phúc thẩm, nên kháng cáo của bà L và ông D là hợp lệ. Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Đức D đăng ký kết hôn vào ngày 29/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Cư Né, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2021, bà L ông D thuận tình ly hôn nhau, bằng quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Nay bà L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà với tổng số tiền 124.905.000 đồng chi phí sinh hoạt và trả nợ riêng cho ông D và yêu cầu Tòa án buộc ông D phải chịu $\frac{1}{2}$ khoản nợ Ngân hàng với số tiền 42.500.000 đồng cùng bà vì đây là khoản tiền bà vay trong thời kỳ hôn nhân cùng ông D.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn Bà Hoàng Thị L và bị đơn ông Nguyễn Đức D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa bà L và ông D là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ ngày 29/10/2019 đến ngày 24/3/2021 thì ly hôn (16 tháng). Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận các khoản gồm: Tiền trả nợ lãi cho cựu chiến binh Buôn Mũi 1.400.000 đồng, 3.000.000 đồng tiền mua máy rửa xe; 30% tiền công sức đóng góp vụ mùa 2019 (*theo ông D thu hoạch được 620kg cà phê x 32.800đ/kg = 20.336.000 đồng, áp dụng giá cà phê nhân xô ngày 31/12/2019*), thành tiền là 6.100.000 đồng; 50% công sức đóng góp vụ mùa 2020 (*theo ông D thu hoạch được 560kg cà phê x 33.000đ/kg, áp dụng giá cà phê nhân xô ngày 31/12/2020*), thành tiền là 9.240.000 đồng. Tổng cộng là 19.740.000 đồng là có căn cứ và phù hợp. Đối với số tiền còn lại bà L yêu cầu ông D phải trả 105.165.000 đồng cho bà, nhận thấy bà L yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo thì bà L liệt kê gồm 46 khoản đều là các chi phí bỏ ra để ăn uống, sinh hoạt hàng ngày cũng như khoản tiền bà L đưa cho ông D. Tuy nhiên những yêu cầu trên của nguyên đơn không có chứng cứ để chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L là có căn cứ. Do vậy không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà L là phù hợp.

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà L buộc ông D phải có trách nhiệm trả 42.500.000 đồng tiền nợ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch Ea Kar. Nhận thấy: Đây là khoản vay hạn mức thấu chi chỉ mình bà L ký vay với Ngân hàng, với số tiền 85.000.000 đồng vào ngày 19/6/2020, ông D không ký kết bất cứ hồ sơ liên quan đến khoản vay này và ông D cũng không thừa nhận việc bà L dùng khoản tiền vay này để chi tiêu trong gia đình. Theo lời trình bày của ông D, bà L vay tiền Ngân hàng để trả tiền vay để lấy giấy CNQSDĐ là tài sản chung giữa bà L và chồng cũ của bà ra để phân chia tài sản

chung tại Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, như vậy khoản tiền bà L vay Ngân Hàng dùng vào việc khác của bà Liên. Mặt khác bà L cũng không chứng minh được bà dùng khoản tiền vay này để chi tiêu trong thời kỳ hôn nhân với ông D, vì vậy yêu cầu ông D phải có trách nhiệm trả 42.500.000 đồng tiền nợ Ngân hàng là không có căn cứ nên không chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu này của bà L là có căn cứ.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức D, Tòa án nhận thấy: Ông D cho rằng vụ mùa cà phê năm 2019, 2020 do một mình ông D tưới nước, chăm sóc, thuê công người hái do đó bà L không có quyền hưởng công sức đóng góp. Tuy nhiên, bà L và ông D là vợ chồng hợp pháp nên cũng có quyền lợi như nhau. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông D phải hoàn trả cho bà L tổng số tiền 19.740.000 đồng là tiền công sức đóng góp của bà L trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Từ những phân tích, nhận định từ mục [2.2], [2.3] và [3] trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn Bà Hoàng Thị L và bị đơn ông Nguyễn Đức D là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Bà Hoàng Thị L phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 5.258.000 đồng. Được khấu trừ trong số tiền 2.239.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0003531 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Bà L còn phải nộp tiếp 3.019.000 đồng.

[5.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1954, là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, thì ông Nguyễn Đức D được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của Bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Đức D. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2023/HNGĐ-ST, ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Điều 33, 37, 38 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn Bà Hoàng Thị L.

1.1. Buộc ông Nguyễn Đức D phải trả cho Bà Hoàng Thị L số tiền là 19.740.000 đồng. (Tiền công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị L buộc ông Nguyễn Đức D phải trả cho Bà Hoàng Thị L tổng số tiền 147.665.000 đồng (gồm 105.165.000 đồng tiền công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân và 42.500.000 đồng tiền nợ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu không được chấp nhận nên bà L phải chịu chi phí tố tụng số tiền 4.000.000 đồng. Bà L đã nộp tại Tòa án và đã chi phí xong.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L phải chịu 5.258.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ trong số tiền 2.239.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0003531 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, bà L còn phải nộp tiếp 3.019.000 đồng.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0004110 ngày 29/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

Bị đơn ông Nguyễn Đức D được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng